

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAPRINT

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 13 - 36 |
| 8. Phụ lục | 37 - 39 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinaprint (tên cũ là Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp in số 2 thuộc Tổng công ty Văn hoá Sài Gòn theo Quyết định số 6654/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301306457 (số cũ 4103005261), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3820 0526
- Fax : +84 (028) 3820 0526

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina – Xưởng Hiệp Phước đặt tại địa chỉ: Lô B16 – Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê cao ốc, văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, quán rượu, quán giải khát có khiêu vũ);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Môi giới thuê tàu biển và máy bay; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành in;
- In sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế- xã hội (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở);
- Mua bán vật tư ngành in;
- Dịch vụ gia công in;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Lê Duy Hiệp | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Võ Hoàng Giang | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Bùi Minh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Hoàng Phong Giao | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Trương Nguyễn Thiên Kim | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Trần Thị Thanh Tâm | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Lê Thị Tường Vi | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|--------------------------|
| Ông Hoàng Phong Giao | Giám đốc | Ngày 20 tháng 6 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Ngọc Phụng | Phó Giám đốc | Ngày 22 tháng 7 năm 2014 |
| Bà Nguyễn Kim Hậu | Phó Giám đốc | Ngày 01 tháng 9 năm 2020 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Tuấn Ngọc đã ủy quyền cho Ông Hoàng Phong Giao – Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 76/Invina/2020 ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Ngày 09 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0296/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinaprint tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1



Hồ Thị Kim Phi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3136-2020-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 25.532.946.804 | 41.755.334.241 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 6.483.372.441 | 4.168.658.304 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.678.440.934 | 3.838.658.304 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.804.931.507 | 330.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.390.000.000 | 5.390.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2 | 5.390.000.000 | 5.390.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 11.040.567.290 | 17.714.561.966 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 9.064.092.832 | 15.767.575.326 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.126.655.458 | 1.740.004.474 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 1.117.434.694 | 1.462.925.348 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.269.359.560) | (1.316.844.900) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 1.743.866 | 60.901.718 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 1.456.106.019 | 9.339.336.874 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.542.622.890 | 9.425.853.745 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (86.516.871) | (86.516.871) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.162.901.054 | 5.142.777.097 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 183.673.455 | 650.153.237 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 979.227.599 | 4.492.623.860 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 102.464.441.244 | 110.909.128.973 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.337.575.680 | 891.717.120 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.337.575.680 | 891.717.120 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.425.628.553 | 5.579.347.704 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 1.425.628.553 | 5.579.347.704 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.427.704.248 | 17.046.819.854 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.002.075.695) | (11.467.472.150) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 98.456.102.350 | 95.077.346.629 |
| - Nguyên giá | 231 | | 108.215.772.383 | 101.150.440.457 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (9.759.670.033) | (6.073.093.828) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 331.327.445 | 7.983.144.383 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 331.327.445 | 7.983.144.383 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 913.807.216 | 1.377.573.137 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 905.522.284 | 1.369.288.205 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 8.284.932 | 8.284.932 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 127.997.388.048 | 152.664.463.214 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 59.306.893.575 | 90.086.622.368 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 21.278.418.315 | 43.471.147.668 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 5.123.839.794 | 15.058.074.569 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 6.598.580 | 1.154.976.535 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 659.972.052 | 1.005.394.187 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 820.101.599 | 1.233.281.087 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 16.116.000 | 91.424.658 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.14 | 2.538.676.160 | 5.526.644.503 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a, c | 2.360.011.998 | 2.827.113.322 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a, c | 9.000.000.000 | 15.821.136.675 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 753.102.132 | 753.102.132 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 38.028.475.260 | 46.615.474.700 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b, c | 5.528.475.260 | 6.115.474.700 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b, c | 32.500.000.000 | 40.500.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 68.690.494.473 | 62.577.840.846 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 68.690.494.473 | 62.577.840.846 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 45.759.850.000 | 41.600.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 45.759.850.000 | 41.600.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21 | 316.041.106 | 316.041.106 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21 | 22.614.603.367 | 20.661.799.740 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 16.501.949.740 | 20.661.799.740 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 6.112.653.627 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 127.997.388.048 | 152.664.463.214 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Yến Nhi
 Người lập


 Đoàn Thị Phương Linh
 Kế toán trưởng


 Hồng Phong Giao
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL1 | 69.692.174.379 | 60.776.285.362 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 69.692.174.379 | 60.776.285.362 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL2 | 54.994.738.681 | 49.470.428.915 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.697.435.698 | 11.305.856.447 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL3 | 179.948.822 | 306.208.112 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VL4 | 4.385.205.734 | 1.713.342.354 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 4.382.746.882 | 1.706.711.018 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VL5 | 797.834.501 | 1.649.889.759 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VL6 | 3.561.732.725 | 4.240.195.625 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.132.611.560 | 4.008.636.821 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VL7 | 1.081.459.002 | 364.777.827 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 58.980.225 | 239.743.835 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.022.478.777 | 125.033.992 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 7.155.090.337 | 4.133.670.813 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 1.042.436.710 | 788.492.662 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | 128.225.977 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 6.112.653.627 | 3.216.952.174 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a, b | 1.336 | 703 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8a, b | 1.336 | 773 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Yến Nhi
 Người lập


 Đoàn Thị Phương Linh
 Kế toán trưởng


 Hoàng Phong Giao
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 7.155.090.337 | 4.133.670.813 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, 10 | 4.794.763.953 | 2.911.154.897 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 11.474.660 | 363.790.328 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | V1.3, 7 | (544.659.486) | (306.208.112) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | V1.4 | 4.382.746.882 | 1.706.711.018 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 15.799.416.346 | 8.809.118.944 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 8.693.471.467 | 6.665.912.282 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 7.883.230.855 | 2.958.817.615 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (4.460.433.390) | 6.200.950.676 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.211.312.543 | (1.175.732.026) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (4.424.171.540) | (1.665.286.360) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (1.259.982.870) | (502.128.889) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 24.442.843.411 | 21.291.652.242 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.4, 9, 11, 12 | (11.465.649.830) | (58.919.102.479) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 3.999.090.909 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 534.932.450 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a; V1.3 | 163.698.822 | 460.599.572 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (7.302.860.099) | (57.923.570.457) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Báo cáo tài chính theo lệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.16a | 14.012.865.525 | 58.394.246.104 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.16a | (28.834.002.200) | (34.383.155.180) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.15a, VI.7 | (4.132.500) | (1.710.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <u>(14.825.269.175)</u> | <u>24.009.380.924</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 2.314.714.137 | (12.622.537.291) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 4.168.658.304 | 16.791.195.595 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>6.483.372.441</u> | <u>4.168.658.304</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Yến Nhi
 Người lập


 Đoàn Thị Phương Linh
 Kế toán trưởng


 Hoàng Phong Giáo
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: mua bán vật tư ngành in; dịch vụ gia công in; cho thuê cao ốc, văn phòng; mua bán máy móc thiết bị ngành in.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 23 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 62 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa nhà xưởng.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa nhà xưởng

Chi phí sửa chữa nhà xưởng cho thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 09 - 35 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 |

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 41,5 |
| Nhà | 10 - 40 |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 10.365.846 | 28.489.591 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.668.075.088 | 3.810.168.713 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | <u>3.804.931.507</u> | <u>330.000.000</u> |
| Cộng | <u>6.483.372.441</u> | <u>4.168.658.304</u> |

2. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Á Châu | 375.000.000 | - | - | 375.000.000 | - | - |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn | <u>5.015.000.000</u> | <u>8.800.000.000</u> | <u>-</u> | <u>5.015.000.000</u> | <u>5.850.000.000</u> | <u>-</u> |
| Cộng | <u>5.390.000.000</u> | <u>8.800.000.000</u> | <u>-</u> | <u>5.390.000.000</u> | <u>5.850.000.000</u> | <u>-</u> |

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | - | 3.786.015.484 |
| Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex | 938.789.602 | 3.166.902.043 |
| Công ty Cổ phần In và Thương mại Tân Vina | 1.320.259.181 | - |
| Các khách hàng khác | <u>6.805.044.049</u> | <u>8.814.657.799</u> |
| Cộng | <u>9.064.092.832</u> | <u>15.767.575.326</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tấn Phương Phát | 1.491.600.000 | - |
| Braillo Norway | - | 959.643.750 |
| Các nhà cung cấp khác | <u>635.055.458</u> | <u>780.360.724</u> |
| Cộng | <u>2.126.655.458</u> | <u>1.740.004.474</u> |

Công ty không có số dư trả trước về mua sắm tài sản cố định (số đầu năm là 1.052.836.250 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 418.575.579 | - | 937.754.738 | - |
| Các khoản ký quỹ | 263.016.201 | - | 263.016.201 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 16.250.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 419.592.914 | - | 262.154.409 | (195.242.781) |
| Cộng | 1.117.434.694 | - | 1.462.925.348 | (195.242.781) |

5b. Phải thu dài hạn khác

Phải thu các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|---------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quảng Cáo Hà Nội Phải thu khách hàng | Trên 3 năm | 689.576.000 | 119.358.000 | Trên 3 năm | 689.576.000 | 119.358.000 |
| | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 481.982.448 | 376.506.436 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.361.987.436 | 1.361.987.436 |
| | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 379.944.926 | 192.657.678 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.834.556.283 | 1.790.851.283 |
| | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 13.902.000 | - | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 13.902.000 | 5.897.500 |
| | Trên 3 năm | 437.207.200 | 44.730.900 | Trên 3 năm | 442.157.200 | 63.090.131 |
| Các khoản phải thu khác | Trên 3 năm | 192.414.760 | 192.414.760 | Trên 3 năm | 200.074.325 | 4.831.544 |
| | Trả trước cho người bán | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 318.762.096 | 318.762.096 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 349.234.578 |
| Cộng | | 2.513.789.430 | 1.244.429.870 | | 4.891.487.822 | 3.574.642.922 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.316.844.900 | 953.054.572 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 11.474.660 | 363.790.328 |
| Xử lý xóa sổ | (58.960.000) | - |
| Số cuối năm | 1.269.359.560 | 1.316.844.900 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 6.606.996.745 | (25.314.611) |
| Công cụ, dụng cụ | 59.221.090 | - | 128.650.758 | (61.202.260) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | - | 64.639.551 | - |
| Thành phẩm | 218.915.704 | - | 2.406.856.692 | - |
| Hàng hóa | 1.264.486.096 | (86.516.871) | 218.709.999 | - |
| Cộng | 1.542.622.890 | (86.516.871) | 9.425.853.745 | (86.516.871) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm tài sản | 13.635.932 | 81.193.375 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 6.000.008 | 96.119.633 |
| Chi phí môi giới | 21.778.511 | 97.785.876 |
| Chi phí sửa chữa | - | 229.260.156 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 142.259.004 | 145.794.197 |
| Cộng | 183.673.455 | 650.153.237 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.097.731 | 18.630.700 |
| Chi phí sửa chữa nhà xưởng | 146.301.408 | 303.126.355 |
| Chi phí môi giới | 607.855.619 | 1.022.083.247 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 150.267.526 | 25.447.903 |
| Cộng | 905.522.284 | 1.369.288.205 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 1.523.436.384 | 14.417.877.288 | 1.105.506.182 | 17.046.819.854 |
| Mua trong năm | - | 161.029.243 | 160.000.000 | 321.029.243 |
| Thanh lý trong năm | - | (13.760.144.849) | (180.000.000) | (13.940.144.849) |
| Số cuối năm | 1.523.436.384 | 818.761.682 | 1.085.506.182 | 3.427.704.248 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 311.253.000 | 60.909.091 | 372.162.091 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 979.374.978 | 10.096.064.217 | 392.032.955 | 11.467.472.150 |
| Khấu hao trong năm | 78.997.308 | 728.800.024 | 128.070.818 | 935.868.150 |
| Thanh lý trong năm | - | (10.338.764.605) | (62.500.000) | (10.401.264.605) |
| Số cuối năm | 1.058.372.286 | 486.099.636 | 457.603.773 | 2.002.075.695 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 544.061.406 | 4.321.813.071 | 713.473.227 | 5.579.347.704 |
| Số cuối năm | 465.064.098 | 332.662.046 | 627.902.409 | 1.425.628.553 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

10. Bất động sản đầu tư

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhà</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4.446.926.680 | 96.703.513.777 | 101.150.440.457 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 7.467.672.119 | 7.467.672.119 |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | - | (402.340.193) | (402.340.193) |
| Số cuối năm | 4.446.926.680 | 103.768.845.703 | 108.215.772.383 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Nhà | Cộng |
|------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.339.350.374 | 4.733.743.454 | 6.073.093.828 |
| Khấu hao trong năm | 107.157.708 | 3.751.738.095 | 3.858.895.803 |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | - | (172.319.598) | (172.319.598) |
| Số cuối năm | 1.446.508.082 | 8.313.161.951 | 9.759.670.033 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 3.107.576.306 | 91.969.770.323 | 95.077.346.629 |
| Số cuối năm | 3.000.418.598 | 95.455.683.752 | 98.456.102.350 |

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán cần phải được trình bày. Công ty hiện đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nhà xưởng tại lô B16 Khu công nghiệp Hiệp Phước | 14.301.173.584 | 3.862.576.841 | 10.438.596.743 |
| Quyền sử dụng đất tại lô B16 Khu công nghiệp Hiệp Phước | 4.446.926.680 | 1.446.508.082 | 3.000.418.598 |
| Cao ốc Vina Building tại 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 89.467.672.119 | 4.450.585.110 | 85.017.087.009 |
| Cộng | 108.215.772.383 | 9.759.670.033 | 98.456.102.350 |

Bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 98.456.102.350VND đã được cầm cố để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.16b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Giảm khác | Kết chuyển vào BĐSĐT trong năm | Số cuối năm |
|---|----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------------|--------------------|
| Công trình dự án Phú Lâm | 200.000.000 | - | - | - | 200.000.000 |
| Công trình Cao ốc Văn phòng Vina Building | 7.751.104.565 | 767.613.799 | (1.051.046.245) | (7.467.672.119) | - |
| Công trình khác | 32.039.818 | 99.287.627 | - | - | 131.327.445 |
| Cộng | 7.983.144.383 | 866.901.426 | (1.051.046.245) | (7.467.672.119) | 331.327.445 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Trung tâm Kinh doanh An Thịnh - Liksin | 626.051.276 | 1.544.424.530 |
| Công ty TNHH Thiết bị phòng cháy và chữa cháy Thăng Long | - | 7.324.135.253 |
| Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng An Phú Long | - | 3.282.180.000 |
| Công ty Cổ phần In Và Thương Mại Tân Vina | 2.980.877.900 | - |
| Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex | 485.877.442 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.031.033.176 | 2.907.334.786 |
| Cộng | 5.123.839.794 | 15.058.074.569 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có số dư phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định (số đầu năm là 11.330.555.411 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 95.808.818 | (95.808.818) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 451.024.211 | 1.042.436.710 | (1.259.982.870) | 233.478.051 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 221.831.228 | 128.263.358 | (256.139.332) | 98.573.428 |
| Tiền thuế đất | 226.449.402 | 1.040.246.927 | (1.040.246.928) | 221.831.227 |
| Các loại thuế khác | 106.089.346 | 6.500.000 | (6.500.000) | 106.089.346 |
| Cộng | 1.005.394.187 | 2.313.255.813 | (2.658.677.948) | 659.972.052 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.155.090.337 | 4.133.670.813 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 432.310.822 | 597.373.953 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (41.424.658) | (713.581.456) |
| Thu nhập chịu thuế | 7.545.976.501 | 4.017.463.310 |
| Thu nhập được miễn thuế | (100.000.000) | (75.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | 7.445.976.501 | 3.942.463.310 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 1.489.195.300 | 788.492.662 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm⁽ⁱ⁾ | (446.758.590) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.042.436.710 | 788.492.662 |

- (i) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| Vị trí đất | Mức tiền thuê |
|---|------------------------------|
| - Số 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 1.092.000 VND/m ² |
| - Số 449/2-2A Hùng Vương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh | 173.107 VND/m ² |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê tại Cao ốc Văn phòng Vina Building.

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tài sản thừa chờ xử lý | 2.958.926 | 66.784.617 |
| Kinh phí công đoàn | - | 15.348.000 |
| Các khoản Bảo hiểm phải trả | 19.699.545 | 26.221.991 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 1.740.758.980 | 1.371.628.060 |
| Cổ tức phải trả | 97.129.900 | 193.782.400 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 499.464.647 | 1.153.348.254 |
| Cộng | 2.360.011.998 | 2.827.113.322 |

15b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | - | 11.321.136.675 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b) | 9.000.000.000 | 4.500.000.000 |
| Cộng | 9.000.000.000 | 15.821.136.675 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 11.321.136.675 | 14.012.865.525 | - | (25.334.002.200) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 4.500.000.000 | - | 8.000.000.000 | (3.500.000.000) | 9.000.000.000 |
| Cộng | 15.821.136.675 | 14.012.865.525 | 8.000.000.000 | (28.834.002.200) | 9.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Vay dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 32.500.000.000 | 35.500.000.000 |
| Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Vina – bên liên quan ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 5.000.000.000 |
| Cộng | <u>32.500.000.000</u> | <u>40.500.000.000</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư dự án xây dựng Cao ốc Văn phòng Vina Building tại địa chỉ 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong hạn là 8,4% trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu. Sau thời gian này lãi suất tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng với biên độ 3%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất, công trình nhà xưởng trên đất tại địa chỉ lô B16, đường số 8, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và công trình cao ốc văn phòng Vina Building tại địa chỉ số 131, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.10).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Vina với số tiền vay là 5.000.000.000 VND nhằm mục đích phục vụ cho việc xây dựng công trình Cao ốc Vina Building tại địa chỉ 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian vay là 24 tháng, lãi suất vay trong hạn là 8,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 36.500.000.000 | 4.000.000.000 | 32.500.000.000 | - |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | - | - |
| Cộng | <u>41.500.000.000</u> | <u>9.000.000.000</u> | <u>32.500.000.000</u> | <u>-</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 40.000.000.000 | 4.500.000.000 | 29.700.000.000 | 5.800.000.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>45.000.000.000</u> | <u>4.500.000.000</u> | <u>34.700.000.000</u> | <u>5.800.000.000</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 35.500.000.000 | (3.000.000.000) | 32.500.000.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 5.000.000.000 | (5.000.000.000) | - |
| Cộng | <u>40.500.000.000</u> | <u>(8.000.000.000)</u> | <u>32.500.000.000</u> |

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 543.102.132 | 543.102.132 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 210.000.000 | 210.000.000 |
| Cộng | <u>753.102.132</u> | <u>753.102.132</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------|---|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 41.600.000.000 | 316.041.106 | 17.444.847.566 | 59.360.888.672 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 3.216.952.174 | 3.216.952.174 |
| Số dư cuối năm trước | 41.600.000.000 | 316.041.106 | 20.661.799.740 | 62.577.840.846 |
| Số dư đầu năm nay | 41.600.000.000 | 316.041.106 | 20.661.799.740 | 62.577.840.846 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 6.112.653.627 | 6.112.653.627 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm nay | 4.159.850.000 | - | (4.159.850.000) | - |
| Số dư cuối năm nay | 45.759.850.000 | 316.041.106 | 22.614.603.367 | 68.690.494.473 |

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt | 19.098.220.000 | 17.362.020.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vina | 2.990.130.000 | 2.718.300.000 |
| Các cổ đông khác | 23.671.500.000 | 21.519.680.000 |
| Cộng | 45.759.850.000 | 41.600.000.000 |

18c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.575.985 | 4.160.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.575.985 | 4.160.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.575.985 | 4.160.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.575.985 | 4.160.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.575.985 | 4.160.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 6.262.450.320 | 7.825.766.684 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 7.297.180.800 | 14.594.361.600 |
| Trên 5 năm | 32.837.313.600 | 116.754.892.800 |
| Cộng | 46.396.944.720 | 139.175.021.084 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 835,3 m² đất tại 131 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh với giá thuê là 1.092.000 VND/m² /năm theo Thông báo số 13557/TB-CCT-LPTB ngày 02 tháng 10 năm 2018. Theo Quyết định số 5350/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thời hạn 50 năm, sử dụng đến ngày 30 tháng 11 năm 2057.
- Tổng số tiền thuê 3.830,4 m² đất tại Nhà xưởng 1,2 + Lô A40/II và Lô A41/II, đường số 2D Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, với giá thuê là 116.400 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 10 năm tính từ tháng 12 năm 2020.

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 117,35 USD (số đầu năm là 117,35 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 29.880.950.248 | 41.405.674.182 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽¹⁾ | 39.811.224.131 | 19.370.611.180 |
| Cộng | <u>69.692.174.379</u> | <u>60.776.285.362</u> |

⁽¹⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư | 39.811.224.131 | 19.370.611.180 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | (3.858.895.803) | (1.576.701.036) |
| Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | (19.889.837.395) | (9.980.155.271) |
| Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư | <u>16.062.490.933</u> | <u>7.813.754.873</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ | 31.246.005.483 | 37.913.572.608 |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 23.748.733.198 | 11.556.856.307 |
| Cộng | <u>54.994.738.681</u> | <u>49.470.428.915</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 79.948.822 | 231.208.112 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 100.000.000 | 75.000.000 |
| Cộng | <u>179.948.822</u> | <u>306.208.112</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.382.746.882 | 1.706.711.018 |
| Chi phí tài chính khác | 2.458.852 | 6.631.336 |
| Cộng | <u>4.385.205.734</u> | <u>1.713.342.354</u> |

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.071.096.308 | 2.147.640.478 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 18.332.953 | 25.953.104 |
| Thuế, phí và lệ phí | 28.193.945 | 40.704.553 |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 11.474.660 | - |
| Chi phí thuê văn phòng | 368.836.368 | 368.836.368 |
| Chi phí mua ngoài | 297.336.406 | 389.426.742 |
| Các chi phí khác | 766.462.085 | 1.267.634.380 |
| Cộng | <u>3.561.732.725</u> | <u>4.240.195.625</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 364.710.664 | - |
| Thu nhập từ thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sản xuất | 6.644.000 | 8.392.250 |
| Thu tiền Canifa hủy hợp đồng thuê văn phòng | 173.339.000 | 318.981.000 |
| Nợ phải trả không xác định được chủ ⁽¹⁾ | 133.126.250 | - |
| Thu nhập khác | 403.639.088 | 37.404.577 |
| Cộng | <u>1.081.459.002</u> | <u>364.777.827</u> |

⁽¹⁾ Trong đó khoản phải trả liên quan đến cổ tức là 92.520.000 VND.**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.112.653.627 | 3.216.952.174 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 6.112.653.627 | 3.216.952.174 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 4.575.985 | 4.575.985 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.336</u> | <u>703</u> |

8b. Thông tin khác

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 773 VND xuống còn 703 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 17.723.056.307 | 28.133.528.368 |
| Chi phí nhân công | 7.151.994.301 | 9.009.725.250 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.794.763.953 | 2.911.154.897 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.180.439.216 | 11.974.390.576 |
| Chi phí khác | 4.862.475.038 | 4.070.572.038 |
| Cộng | <u>53.712.728.815</u> | <u>56.099.371.129</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 16.055.068.545 | 29.054.510.642 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 29.478.521.718 | 61.702.931.632 |
| Trên 5 năm | 9.592.166.600 | 22.000.128.800 |
| Cộng | <u>55.125.756.864</u> | <u>112.757.571.074</u> |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao và phụ cấp</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Năm nay | | | |
| Ông Hoàng Phong Giao - Giám đốc | 300.000.000 | 93.833.249 | 393.833.249 |
| Ông Nguyễn Ngọc Phụng - Phó Giám đốc | 216.000.000 | 55.287.500 | 271.287.500 |
| Bà Nguyễn Kim Hậu - Phó Giám đốc | 72.000.000 | 59.904.480 | 131.904.480 |
| Cộng | <u>588.000.000</u> | <u>209.025.229</u> | <u>797.025.229</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Tiền lương | Thù lao và phụ cấp | Cộng thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Năm trước | | | |
| Ông Hoàng Phong Giao - Giám đốc | 300.000.000 | 108.139.090 | 408.139.090 |
| Ông Nguyễn Ngọc Phụng - Phó Giám đốc | 216.000.000 | 84.156.000 | 300.156.000 |
| Cộng | 516.000.000 | 192.295.090 | 708.295.090 |

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|----------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt | Cổ đông chiếm 41,74% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vina | Cổ đông chiếm 6,53% vốn điều lệ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác (năm trước phát sinh giao dịch nhận nợ vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Vina với số tiền là 5.000.000.000 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.16b.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Bán thành phẩm: sản xuất, gia công và cung cấp các sản phẩm in ấn.
- Kinh doanh bất động sản: chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê bất động sản của công ty, đi thuê và cho thuê lại.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 1 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|---|---|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.483.372.441 | - | 6.483.372.441 |
| Chứng khoán kinh doanh | 5.390.000.000 | - | 5.390.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 7.061.480.258 | 2.002.612.574 | 9.064.092.832 |
| Các khoản phải thu khác | 243.428.154 | 192.414.760 | 435.842.914 |
| Cộng | 19.178.280.853 | 2.195.027.334 | 21.373.308.187 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.168.658.304 | - | 4.168.658.304 |
| Chứng khoán kinh doanh | 5.390.000.000 | - | 5.390.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 11.425.396.407 | 4.342.178.919 | 15.767.575.326 |
| Các khoản phải thu khác | 62.080.084 | 200.074.325 | 262.154.409 |
| Cộng | 21.046.134.795 | 4.542.253.244 | 25.588.388.039 |

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 5.123.839.794 | - | - | 5.123.839.794 |
| Vay và nợ | 9.000.000.000 | 32.500.000.000 | - | 41.500.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 2.356.428.453 | 4.118.650.160 | 1.409.825.100 | 7.884.903.713 |
| Cộng | 16.480.268.247 | 36.618.650.160 | 1.409.825.100 | 54.508.743.507 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 15.058.074.569 | - | - | 15.058.074.569 |
| Vay và nợ | 15.821.136.675 | 34.700.000.000 | 5.800.000.000 | 56.321.136.675 |
| Các khoản phải trả khác | 2.876.967.989 | 4.705.649.600 | 1.409.825.100 | 8.992.442.689 |
| Cộng | 33.756.179.233 | 39.405.649.600 | 7.209.825.100 | 80.371.653.933 |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của chi có liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 36.500.000.000 VND (số đầu năm là 40.000.000.000 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 730.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 800.000.000 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 8.800.000.000 VND.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.483.372.441 | - | 4.168.658.304 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 5.390.000.000 | - | 5.390.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 9.064.092.832 | (1.269.359.560) | 15.767.575.326 | (1.000.994.569) |
| Các khoản phải thu khác | 435.842.914 | - | 262.154.409 | (195.242.781) |
| Cộng | 21.373.308.187 | (1.269.359.560) | 25.588.388.039 | (1.196.237.350) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 5.123.839.794 | 15.058.074.569 |
| Vay và nợ | 41.500.000.000 | 56.321.136.675 |
| Các khoản phải trả khác | 7.884.903.713 | 8.992.442.689 |
| Cộng | 54.508.743.507 | 80.371.653.933 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Thị Yến Nhi
Người lập


Đoàn Thị Phương Linh
Kế toán trưởng


Hoàng Phong Giao
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Bán thành phẩm</u> | <u>Kinh doanh bất động sản</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 29.880.950.248 | 39.811.224.131 | - | 69.692.174.379 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 29.880.950.248 | 39.811.224.131 | - | 69.692.174.379 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (1.988.453.736) | 15.888.054.933 | - | 13.899.601.197 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (3.561.732.725) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 10.337.868.472 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 179.948.822 |
| Chi phí tài chính | | | | (4.385.205.734) |
| Thu nhập khác | | | | 1.081.459.002 |
| Chi phí khác | | | | (58.980.225) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.042.436.710) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 6.112.653.627 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | - |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | <u>Bán thành phẩm</u> | <u>Kinh doanh bất động sản</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 41.405.674.182 | 19.370.611.180 | - | 60.776.285.362 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 41.405.674.182 | 19.370.611.180 | - | 60.776.285.362 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1.991.648.815 | 7.664.317.873 | - | 9.655.966.688 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (4.240.195.625) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 5.415.771.063 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 306.208.112 |
| Chi phí tài chính | | | | (1.713.342.354) |
| Thu nhập khác | | | | 364.777.827 |
| Chi phí khác | | | | (239.743.835) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (788.492.662) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | (128.225.977) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 3.216.952.174 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 58.168.182 | 63.172.269.192 | - | 63.230.437.374 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.350.242.263 | 1.971.882.755 | - | 3.322.125.018 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 363.790.328 | - | - | 363.790.328 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Địa chỉ: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Bản thành phẩm</u> | <u>Kinh doanh bất động sản</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-----------------------|--------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 8.288.151.214 | 104.050.778.657 | - | 112.338.929.871 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 15.658.458.177 |
| Tổng tài sản | | | | 127.997.388.048 |
| | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 4.276.510.621 | 3.062.405.330 | - | 7.338.915.951 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 51.967.977.624 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 59.306.893.575 |
| | | | | |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 21.549.598.271 | 115.275.538.547 | - | 136.825.136.818 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 15.839.326.396 |
| Tổng tài sản | | | | 152.664.463.214 |
| | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 5.095.797.584 | 14.328.442.380 | - | 19.424.239.964 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 70.662.382.404 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 90.086.622.368 |


 Nguyễn Thị Yến Nhi
 Người lập


 Đoàn Thị Phương Linh
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


 Hoàng Phong Giao
 Giám đốc
